

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 09/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 09h00 * Ngày thi: 21/09/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
1	29205224072	Phạm Trần Phương	Anh	04/01/2005	Gia Lai	31SSC5	V	V	Không Đạt	
2	28204600361	Nguyễn Thị Minh	Ánh	02/09/2004	Hà Tĩnh	31SHT6	8.0	9.6	Đạt	
3	30218045947	Trần Thị Út	Chi	11/06/2006	Đắk Lắk	31SHT6	4.7	6.9	Không Đạt	
4	28218426714	Đỗ Lê	Danh	15/07/2004	Đà Nẵng	31SBN6	V	V	Không Đạt	
5	28204302178	Nguyễn Thị Hồng	Điểm	09/01/2004	Đắk Lắk	31SSC5	9.3	10.0	Đạt	
6	28206248976	Nguyễn Thùy	Diệu	15/03/2004	Quảng Ngãi	31SSC5	6.7	8.4	Đạt	
7	28206203442	Nguyễn Ái Thùy	Dung	06/03/2004	Quảng Ngãi	31SBN6	8.3	7.9	Đạt	
8	27202443530	Mang Thị Ngọc	Hà	02/01/2003	Gia Lai	31SHT6	9.0	6.3	Đạt	
9	26207200762	Đặng Thị Thanh	Hằng	04/09/2001	Quảng Trị	31SSC4	7.7	5.0	Đạt	
10	28208105595	Đỗ Thị	Hạnh	25/02/2004	Quảng Nam	31SSC5	7.0	7.0	Đạt	
11	28208052295	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	06/11/2004	Thanh Hóa	31SSC5	9.7	7.5	Đạt	
12	28219346536	Nguyễn Hữu	Hoàng	11/02/2004	Đà Nẵng	31SSC5	8.3	7.0	Đạt	
13	27207100174	Nguyễn Thị Kim	Hồng	01/08/2003	Quảng Nam	30CBN3	6.7	5.3	Đạt	
14	29206846821	Nguyễn Thị	Huệ	21/04/2005	Nghệ An	31TBN8	5.3	6.3	Đạt	
15	28212300849	Phan Văn	Hung	02/11/2004	Quảng Bình	31SHT6	9.7	10.0	Đạt	
16	28206550385	Đinh Ngọc Minh	Hương	28/08/2004	Quảng Nam	31SSC5	4.3	6.0	Không Đạt	
17	28208105291	Lê Thị Mỹ	Hương	16/01/2004	Đắk Lắk	31SSC5	8.0	8.3	Đạt	
18	24217208576	Nguyễn Phan	Huy	25/08/1998	Đà Nẵng	31SHT6	V	V	Không Đạt	
19	29204363096	Thiều Ngọc	Huyền	26/08/2005	Đà Nẵng	31SBN6	6.7	6.5	Đạt	
20	28208053169	H Bươi	Kbuôr	24/03/2004	Đắk Lắk	31SSC5	7.3	8.3	Đạt	
21	28214603971	Ngô Phạm Quốc	Khánh	02/09/2004	Quảng Nam	31SSC5	6.0	6.9	Đạt	
22	29206565322	Lê Thị	Lan	06/01/2005	Nghệ An	31TBN8	8.0	4.0	Không Đạt	
23	27205450349	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	02/06/2003	Đắk Lắk	31THT10	7.0	6.5	Đạt	
24	29209535871	Lê Thị Mỹ	Linh	23/11/2005	Quảng Trị	31SHT6	5.7	5.8	Đạt	
25	28200422345	Lê Thị Thùy	Linh	20/09/2004	Hà Tĩnh	31SSC5	6.7	6.0	Đạt	
26	29204950388	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/08/2005	Quảng Bình	31SHT6	7.7	9.0	Đạt	
27	29206323653	Trương Thị Thùy	Linh	12/12/2005	Gia Lai	31SSC5	7.0	6.9	Đạt	
28	28208001507	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	26/02/2004	Bình Định	31SBN6	4.7	3.8	Không Đạt	
29	29204957291	Trần Thị Ái	Ly	19/08/2005	Quảng Nam	31SHT6	7.7	3.9	Không Đạt	
30	29206661637	Nguyễn Diễm	My	02/07/2005	Gia Lai	31SSC5	7.7	6.8	Đạt	
31	28208136280	Nguyễn Thị Y	Na	27/04/2004	Quảng Nam	31SBN6	9.0	6.3	Đạt	
32	28208102787	Trần Thị Tuyết	Ngân	10/05/2004	Đà Nẵng	31SBN6	9.0	7.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	29204322013	Nguyễn Xuân Bảo	Ngọc	28/09/2005	Bình Định	31SBN6	5.7	6.5	Đạt	
34	28204653374	Huỳnh Thị Bích	Nguyên	07/07/2004	Phú Yên	31SHT6	6.3	6.5	Đạt	
35	28204354629	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	06/09/2004	Đắk Lắk	31SSC5	9.0	10.0	Đạt	
36	28212305952	Phan Quốc	Nhật	26/08/2004	Quảng Trị	31SBN6	9.3	9.8	Đạt	
37	28206238575	Hồ Thị Yến	Nhi	26/06/2004	Đắk Lắk	31THT9	3.7	5.8	Không Đạt	
38	28208006701	Phan Thị Bích	Nhi	24/04/2004	Quảng Nam	31SBN6	5.0	4.4	Không Đạt	
39	28206501031	Tạ Thị Yến	Nhi	05/10/2004	Quảng Trị	31TBN8	6.3	5.3	Đạt	
40	28204627009	Trần Phan Thục	Nhi	25/06/2004	Quảng Nam	31SBN6	V	V	Không Đạt	
41	28207202579	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	10/05/2004	Quảng Nam	31SBN6	8.3	8.3	Đạt	
42	28207505944	Huỳnh Thị Phương	Nhung	01/05/2004	Quảng Ngãi	31SSC5	8.7	6.9	Đạt	
43	28208053568	Huỳnh Tuyết	Nữ	14/03/2003	Bình Định	31SBN6	5.0	4.0	Không Đạt	
44	27207101004	Trần Quỳnh	Oanh	13/04/2003	Đà Nẵng	31SHT6	10.0	7.0	Đạt	
45	27217133852	Nguyễn Lê Kim	Phụng	31/05/2002	Đà Nẵng	31SHT6	9.3	5.8	Đạt	
46	28204454163	Đàm Mai	Phương	13/08/2004	Gia Lai	31SHT6	7.0	9.1	Đạt	
47	28207253702	Huỳnh Phạm Mai	Phương	25/01/2004	Đà Nẵng	31SBN6	8.7	9.4	Đạt	
48	28208005423	Nguyễn Thị Loan	Phương	19/03/2004	Gia Lai	31SSC5	8.7	6.8	Đạt	
49	28207228766	Võ Thị Ngọc	Phượng	29/02/2004	Đà Nẵng	31SBN6	9.0	7.8	Đạt	
50	28212303613	Nguyễn Minh	Quốc	01/07/2004	Hà Tĩnh	31SHT6	9.0	9.0	Đạt	
51	28218141947	Nguyễn Nhật	Quốc	18/05/2004	Quảng Nam	31SBN6	10.0	10.0	Đạt	
52	28208152250	Lê Thị Lệ	Quỳnh	16/09/2004	Quảng Nam	31SBN6	5.7	5.1	Đạt	
53	28204901451	Phan Nguyễn Ngọc	Quỳnh	19/10/2004	Huế	31SHT6	8.0	5.3	Đạt	
54	29209323383	Trương Như	Quỳnh	12/11/2005	Bình Định	31SBN6	7.0	6.5	Đạt	
55	28214903826	Hà Phước	Son	19/04/2004	Quảng Bình	31SHT4	4.7	6.4	Không Đạt	
56	28218006044	Phạm Minh	Tây	13/06/2004	Quảng Nam	31SBN6	V	V	Không Đạt	
57	27203139503	Nguyễn Thị Đan	Thanh	07/12/2003	Đắk Lắk	31SHT6	5.0	6.3	Đạt	
58	28211141086	Huỳnh Công	Thành	14/08/2004	Quảng Nam	31SBN6	3.7	6.1	Không Đạt	
59	28208152323	Trần Thị Thu	Thao	13/09/2004	Quảng Bình	31SHT6	3.7	3.3	Không Đạt	
60	28208053626	Dương Thị Minh	Thảo	10/03/2004	Đắk Nông	31SSC5	5.3	6.4	Đạt	
61	28208005673	Hà Thanh	Thảo	17/03/2004	Đà Nẵng	31SSC5	8.7	6.5	Đạt	
62	28208152867	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	08/12/2004	Đà Nẵng	31SHT6	6.0	5.9	Đạt	
63	28206204648	Nguyễn Thu	Thảo	04/07/2004	Quảng Nam	31SBN6	8.3	9.4	Đạt	
64	28208030194	Nguyễn Thị	Thêm	21/08/2004	Đà Nẵng	31SHT6	6.3	5.0	Đạt	
65	28208031328	Dương Thị Ngọc	Thư	27/10/2004	Đà Nẵng	31SSC5	3.0	6.8	Không Đạt	
66	28207102307	Nguyễn Thị Anh	Thư	13/08/2004	Quảng Nam	31SBN6	7.7	7.3	Đạt	
67	28214602393	Phạm Đức	Thuận	25/05/2004	Đắk Lắk	31SHT6	6.7	5.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28208151910	Nguyễn Thị Thu	Thùy	16/05/2004	Quảng Nam	31SBN6	9.0	9.4	Đạt	
69	28206546880	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	12/11/2004	Đà Nẵng	31SHT6	6.7	4.0	Không Đạt	
70	28208036094	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	24/02/2004	Quảng Nam	31SSC5	9.3	7.0	Đạt	
71	28203630418	Đinh Thị Thu	Trang	05/09/2004	Thanh Hóa	31SSC5	6.7	9.5	Đạt	
72	28208150674	Hoàng Bùi Nguyên	Trang	01/01/2004	Đà Nẵng	31SBN6	7.3	9.0	Đạt	
73	29206845415	Nguyễn Thị	Trang	07/10/2005	Nghệ An	31TBN8	5.0	4.0	Không Đạt	
74	28204337623	Trần Thị Hoài	Trình	08/08/2004	Quảng Nam	31SHT6	9.3	7.4	Đạt	
75	28208005206	Trương Thị Kim	Trình	04/08/2004	Quảng Nam	31SSC5	8.7	7.0	Đạt	
76	28213653033	Lê Quang	Trường	28/02/2004	Quảng Ngãi	31SSC5	7.0	8.5	Đạt	
77	28218136356	Đặng Tiến	Tuấn	06/12/2004	Đà Nẵng	31SHT6	4.7	5.0	Không Đạt	
78	27204301673	Trịnh Thị Thảo	Vân	11/02/2003	Đà Nẵng	31SBN6	6.7	7.0	Đạt	
79	28206203537	Nguyễn Lê Tường	Vi	20/11/2004	Đà Nẵng	31SSC5	5.0	6.9	Đạt	
80	28206721483	Phạm Thị Thanh	Yên	04/05/2004	Đà Nẵng	31SHT6	8.0	7.5	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh